

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Quý;

Bà Nguyễn Hồng Gám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1239/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1989; thường trú: 1/15, đường Võng Thiện, khu phố C, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1986; thường trú: 1/15, đường Võng Thiện, khu phố C, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987; tạm trú: 1/15 đường Võng Thiện, khu phố C, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Trương Thị T trong quá trình tố tụng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn H sau thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau thì tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn

số 37, cấp ngày 20/10/2017. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bị đơn sống không có trách nhiệm, không quan tâm tới vợ, luôn bất hòa vì không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung. Nên nguyên đơn không thể tiếp tục chung sống với bị đơn và đã ly thân từ tháng 9/2018. Nay nguyên đơn xác định không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Lời khai của người làm chứng – chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Chị H1 sống chung dãy nhà trọ với vợ chồng chị T. Anh H là người không có công việc ổn định, chị T muốn anh H đi làm nhưng làm được ít ngày thì nghỉ. Vợ chồng chị T không cùng sở thích ăn uống, anh H không quan tâm vợ, hai người không có sự chia sẻ, mọi công việc và vấn đề kinh tế trong gia đình đều do chị T lo. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T đã kéo dài từ sau khi kết hôn, mặc dù anh H đã được khuyên nhủ nhiều nhưng không thay đổi. Vì không muốn tiếp tục chịu đựng cuộc sống hôn nhân như vậy nên chị T đã qua phòng chị H1 sống, ly thân với chồng từ khoảng 03 tháng nay.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp; con chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 02/4/2019 và ngày 19/4/2019 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự và người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu nhau, tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, cấp ngày 20/10/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[2.2] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống với bị đơn vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bị đơn không quan tâm đến vợ, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho cuộc sống gia đình ngột ngạt nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nên đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Nguyên đơn xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh H đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của bị đơn đối với nguyên đơn thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[2.3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc bị đơn không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[2.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, cấp ngày 20/10/2017 của UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa).

2. Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trương Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0027795 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D (1);
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá(1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà